

Số: 170/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 14 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng
của Đại học Cần Thơ

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 185/NQ-HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐT ngày 11/01/2025 của Hội đồng Trường ban hành quy định về quy trình xây dựng và ban hành văn bản nội bộ của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định của Hiệu trưởng số 5745/QĐ-ĐHCT ngày 22/12/2021 về Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ công tác về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ các Công văn số 3097/ĐHCT-KHCNĐMST ngày 25/8/2025 và số 1461/ĐHCT-KHCNĐMST ngày 25/11/2025 về việc thẩm định dự thảo Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Công văn số 32/PC-VP ngày 28/8/2025, 42/BB-PC ngày 23/10/2025 và 55/PC-VP ngày 01/12/2025 của Phòng Pháp chế về việc xác nhận hoàn tất thẩm định văn bản.

Căn cứ Tờ trình số 02/TTr-KHCNĐMST ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc ban hành Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị của Trường Phòng Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định là Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Đại học Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./₂₀

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCNĐMST.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Trung Tính

QUY ĐỊNH

Hoạt động Kết nối và Phục vụ Cộng đồng của Đại học Cần Thơ

(Kèm theo Quyết định số: 170/QĐ-ĐHCT ngày 14 tháng 01 năm 2026

của Hiệu trưởng Đại học Cần Thơ)

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ, phục vụ cộng đồng (PVCĐ) của Đại học Cần Thơ (ĐHCT).

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức, đoàn thể, viên chức, người lao động, người học của ĐHCT trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng (KN&PVCĐ) của ĐHCT.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Cộng đồng*” là cụm từ chỉ các đối tượng, đối tác trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác và phát triển, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, chính quyền các cấp và các bên liên quan trong phạm vi triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác và phát triển của ĐHCT.

2. “*Kết nối cộng đồng*” là cụm từ chỉ sự liên kết giữa các đơn vị, tổ chức, đoàn thể, viên chức, người lao động, người học ĐHCT với các cộng đồng.

3. “*Phục vụ cộng đồng*” là cụm từ chỉ các hoạt động của ĐHCT nhằm góp phần vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể của cộng đồng, mang lại lợi ích cho cộng đồng, cho xã hội.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

a) Xây dựng cụ thể các hình thức và nội dung hoạt động KN&PVCĐ của ĐHCT.

b) Nâng cao ý thức và trách nhiệm của các đơn vị, viên chức, người lao động, người học và các bên liên quan của ĐHCT trong hoạt động KN&PVCĐ.



c) Xây dựng văn hóa chất lượng giáo dục, hỗ trợ lan tỏa sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu và triết lý giáo dục của ĐHCT hướng đến sự phát triển bền vững của cộng đồng, nâng tầm và bảo đảm hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác giữa ĐHCT và các cộng đồng.

2. Yêu cầu

a) Hoạt động KN&PVCD phải được thực hiện theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ĐHCT.

b) Hoạt động KN&PVCD phải có ý nghĩa thiết thực và giá trị nhân văn đối với các đối tượng thụ hưởng và các bên tham gia.

c) Hoạt động KN&PVCD thể hiện được hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế và đặc thù của ĐHCT.

d) Hoạt động KN&PVCD mang tính dẫn dắt, có định hướng chiến lược, góp phần đáng kể vào việc phát triển năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của ĐHCT.

đ) Các kế hoạch và hoạt động KN&PVCD cần được đánh giá định kỳ, để phát huy, điều chỉnh, cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế và sự hài lòng của các bên liên quan.

Chương II

PHẠM VI KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Điều 4. Cộng đồng Đại học Cần Thơ

Kết nối, tổ chức các hoạt động hỗ trợ viên chức - người lao động và người học trong ĐHCT, gồm các hoạt động nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe, học thuật, khoa học công nghệ cũng như bồi dưỡng tư tưởng, pháp luật trong viên chức - người lao động và người học.

Điều 5. Cộng đồng ngoài Đại học Cần Thơ

1. Kết nối, tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho các địa phương, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức trong nước về việc đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ xây dựng các chính sách phát triển; và các hoạt động thiện nguyện cho cộng đồng.

2. Kết nối và hợp tác với các viện trường, doanh nghiệp, tổ chức, nhà khoa học quốc tế về việc trao đổi học thuật, đào tạo, nghiên cứu khoa học, và phục vụ phát triển cộng đồng.

Chương III

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Điều 6. Tư vấn, hỗ trợ người học

1. Tư vấn, hỗ trợ người học tiếp cận các nguồn lực về học liệu, kỹ thuật, kỹ năng, nguồn tài chính, phục vụ tốt quá trình học tập, nghiên cứu và rèn luyện, phát triển bản thân; tạo điều kiện để người học được tham gia các hoạt động ngoại khóa về chuyên môn, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo (ĐMST) và khởi nghiệp của người học.

2. Tổ chức thực hiện các hoạt động văn hóa, thể thao; tư vấn tâm lý, sức khỏe, pháp luật, tư vấn hướng nghiệp, việc làm; thực hiện công tác đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự trường học, góp phần tạo môi trường giáo dục an toàn, xanh, sạch, thân thiện và văn minh.

3. Kết nối, phối hợp với các nhà sử dụng lao động để tổ chức các hoạt động Hội chợ việc làm, giới thiệu việc làm, đào tạo, trang bị các kỹ năng nghề nghiệp cho người học.

Điều 7. Tư vấn và hỗ trợ viên chức, người lao động

1. Tổ chức thực hiện tư vấn, khám sức khỏe hằng năm.

2. Phối hợp tổ chức, tạo điều kiện để viên chức, người lao động được tham gia các hoạt động về văn hóa, văn nghệ, thể thao, các câu lạc bộ với các bên liên quan.

3. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, kết nối và giao lưu, chia sẻ học thuật, hội thảo, hội nghị, nghỉ hè và nghỉ dưỡng.

4. Tổ chức tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức của VC-NLĐ về an ninh, an toàn, phòng chống rủi ro.

5. Tổ chức quyên góp, hỗ trợ khó khăn, tuyên dương hằng năm.

Điều 8. Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

1. Hợp tác xây dựng và phát triển chương trình đào tạo; phối hợp tổ chức quá trình đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo theo hướng phát huy năng lực người học, đáp ứng nhu cầu xã hội, gắn việc đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động.

2. Thực hiện chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài.

3. Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực số, ngoại ngữ, phương pháp nghiên cứu khoa học, ĐMST và các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững.

4. Phối hợp điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của xã hội; khảo sát tình hình việc làm của người tốt nghiệp và khảo sát chất lượng đào tạo của ĐHCT.

5. Công khai, cung cấp thông tin về ngành đào tạo, chương trình đào tạo, vị trí việc làm của người tốt nghiệp và tổ chức chương trình hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh hằng năm của ĐHCT cho học sinh, phụ huynh và cộng đồng.

Điều 9. Tổ chức các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phối hợp triển khai, tổ chức nghiên cứu khoa học và chuyển giao kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án khoa học công nghệ (KH-CN) phục vụ lợi ích cộng đồng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực.

2. Xây dựng, triển khai, các hoạt động tập huấn, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp với tình hình thực tế của ĐHCT.

3. Xây dựng các mạng lưới, hệ sinh thái KH-CN, ĐMST; Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn KH-CN & ĐMST gắn với các chương trình phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng.

Điều 10. Tư vấn chuyên môn, chính sách, chiến lược phát triển

1. Tổ chức và tham gia tư vấn, phân biện việc xây dựng và triển khai các chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và khu vực.

2. Tham gia vào các tổ chức, mạng lưới, hiệp hội nghề nghiệp có liên quan để hỗ trợ, tư vấn chuyên môn, nghiệp vụ cho sự phát triển chung hướng tới phát triển bền vững.

Điều 11. Tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện, nhân đạo, từ thiện

1. Tổ chức và tham gia các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện (mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, quyên góp ủng hộ quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bị thiên tai,...), các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự.

2. Phối hợp tổ chức và tham gia các hoạt động, sự kiện quan trọng của địa phương.

3. Tham gia các hoạt động giao lưu, hợp tác trao đổi kinh nghiệm giữa ĐHCT với các bên liên quan.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Ban chỉ đạo và Tổ công tác hoạt động KN&PVCD

1. Hiệu trưởng quyết định việc thành lập Ban chỉ đạo và Tổ công tác hoạt động KN&PVCD trên cơ sở đề nghị của Phòng Tổ chức và Phát triển nhân sự. Ban chỉ đạo và Tổ công tác hoạt động thường xuyên và được kiện toàn khi cần thiết.

2. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo hoạt động KN&PVCD

a) Chịu trách nhiệm điều hành chung đối với hoạt động KN&PVCD trong toàn trường.

b) Xây dựng Bộ chỉ số KN&PVCD của ĐHCT dựa trên Quy định này và Chiến lược phát triển chung của ĐHCT.

c) Xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch hoạt động KN&PVCD năm học của ĐHCT để thực hiện Chiến lược PVCD của ĐHCT.

3. Trách nhiệm của Tổ công tác hoạt động KN&PVCD

a) Tổng hợp kế hoạch hoạt động KN&PVCD của các đơn vị làm cơ sở ban hành kế hoạch hoạt động KN&PVCD năm học của ĐHCT.

b) Theo dõi, tổng kết, báo cáo, đánh giá kết quả và tư vấn xây dựng kế hoạch, chiến lược cho các hoạt động KN&PVCD của ĐHCT và gửi kết quả báo cáo tổng kết việc thực hiện kế hoạch KN&PVCD năm học cho Văn phòng Trường tổng hợp vào Báo cáo tổng kết năm học chung của ĐHCT.

c) Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Quy định này và Bộ chỉ số KN&PVCD khi cần thiết.

d) Đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng các hoạt động KN&PVCD đáp ứng các quy định về kiểm định chất lượng.

Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức, đoàn thể ĐHCT

Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức của ĐHCT chịu trách nhiệm:

1. Phổ biến Quy định này và Bộ chỉ số KN&PVCD của ĐHCT đến toàn thể viên chức, người lao động, người học thuộc đơn vị quản lý.

2. Xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai hoạt động KN&PVCD của đơn vị theo năm học dựa trên kế hoạch khung (theo bộ chỉ số đính kèm) về hoạt động KN&PVCD của ĐHCT.

3. Kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động KN&PVCD, đề ra giải pháp cải tiến chất lượng các hoạt động KN&PVCD và lập báo cáo kết quả hoạt động KN&PVCD năm học của đơn vị, trình bày thành một nội dung trong Báo cáo tổng kết năm học của đơn vị.

4. Phối hợp với các đoàn thể của ĐHCT để thực hiện Kế hoạch KN&PVCD năm học của đơn vị mình và trong trường.

5. Giao Phòng KHCN&ĐMST làm đầu mối và thường trực cấp ĐHCT phối hợp cùng các đơn vị, tổ chức, đoàn thể, Ban chỉ đạo và Tổ công tác xây dựng kế hoạch khung, triển khai thực hiện và báo cáo hoạt động KN&PVCD hằng năm.

Điều 14. Trách nhiệm của viên chức, người lao động và người học ĐHCT

1. Viên chức, người lao động nắm vững các chủ trương, chính sách, chiến lược của ĐHCT, nhiệm vụ và kế hoạch của đơn vị và cá nhân; tham gia tích cực, trách nhiệm và hiệu quả trong các hoạt động KN&PVCD.

2. Người học tích cực tham gia cùng với ĐHCT trong công tác KN&PVCD, đặc biệt các hoạt động xã hội, tình nguyện, nhân đạo, từ thiện.

Điều 15. Khen thưởng, kỷ luật

1. Trên cơ sở đánh giá những đóng góp của các đơn vị và cá nhân cho hoạt động KN&PVCD và đề xuất của các tổ chức, đơn vị, đoàn thể, Hiệu trưởng ĐHCT xem xét tuyên dương, khen thưởng cho các đơn vị và cá nhân có thành tích nổi bật.

2. Khối lượng và chất lượng các hoạt động KN&PVCD của viên chức, người lao động, các đơn vị được sử dụng trong quá trình xem xét, đánh giá thi đua hằng năm.

3. Khối lượng và chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của người học được sử dụng trong quá trình xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của người học theo quy định hiện hành.

4. Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

Phụ lục
BỘ CHỈ SỐ CƠ BẢN VỀ KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG
CỦA ĐẠI HỌC CẦN THƠ

(Kèm theo Quyết định số: 170./QĐ-ĐHCT ngày 14 tháng 01 năm 2025
của Hiệu trưởng Đại học Cần Thơ)

TT	LOẠI HÌNH HOẠT ĐỘNG
I	Hoạt động phục vụ cộng đồng người học của ĐHCT
1.1	Tiếp cận nguồn học liệu
	Số lượt người học được tư vấn, hỗ trợ từ Thư viện ĐHCT hằng năm
	Số lượt truy cập thông tin/ Số lượt người học sử dụng Thư viện Trường (trực tiếp/trực tuyến)
1.2	Học liệu mới
	Số học liệu được mua mới hằng năm phục vụ cộng đồng người dạy và học
	Số kinh phí mua tài liệu mới (triệu đồng)
1.3	Bồi dưỡng năng lực số cho người học
	Số người học được bồi dưỡng năng lực số
	Số kinh phí (triệu đồng)
1.4	Chăm sóc sức khỏe - tinh thần
	Số hoạt động/ sự kiện liên quan đến công tác tư vấn/ chăm sóc sức khỏe cho người học
	Số lượt hỗ trợ điều trị bệnh cho người học hằng năm
	Số kinh phí (triệu đồng)
1.5	Tư vấn, hỗ trợ về khởi nghiệp và việc làm
	Số người học tham dự hội chợ việc làm/ hội thảo nghề nghiệp hằng năm
	Số công ty, doanh nghiệp tham gia hằng năm
	Số kinh phí (triệu đồng)
	Số khóa tập huấn ngắn hạn về khởi nghiệp người học
	Số người tham dự tập huấn
	Số kinh phí (triệu đồng)
	Số đề tài dự án khởi nghiệp người học
	Số kinh phí (triệu đồng)
1.6	Hoạt động văn hóa, thể thao, tư vấn pháp luật cho người học
	Số người học tham gia các hoạt động văn nghệ
	Số kinh phí (triệu đồng)
	Số người học tham gia các hoạt động thể thao
	Số kinh phí (triệu đồng)
	Số người học tham dự các hoạt động tư vấn pháp luật
	Số kinh phí (triệu đồng)

TT	LOẠI HÌNH HOẠT ĐỘNG
1.7	Hỗ trợ tài chính (học bổng và miễn, giảm học phí) cho người học
	Số lượng người học được hỗ trợ tài chính
	Tổng kinh phí (triệu đồng)
1.8	Tổ chức cho người học giao lưu, học tập với sinh viên các Trường quốc tế
	Số lượng người học giao lưu, học tập ở nước ngoài
	Số lượng người học giao lưu, học tập với sinh viên các Trường quốc tế tại ĐHCT
	Kinh phí hỗ trợ người học giao lưu học tập ở nước ngoài hằng năm (triệu đồng)
	<i>Tổng số hoạt động</i>
	<i>Tổng số người tham gia</i>
	<i>Tổng kinh phí</i>
II	Hoạt động phục vụ cộng đồng viên chức, người lao động ĐHCT
2.1	Tư vấn, khám sức khỏe
	Số lượng VC-NLĐ tham gia tư vấn/ khám sức khỏe hằng năm
	Số kinh phí (triệu đồng)
2.2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao, nghỉ dưỡng
	Số lượng VC-NLĐ tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ hằng năm
	Số lượng VC- NLĐ tham gia hoạt động thể thao/ rèn luyện sức khỏe hằng năm
	Số lượng VC-NLĐ tham gia nghỉ dưỡng hằng năm
	Số kinh phí (triệu đồng)
2.3	Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn
	Số lượng VC-NLĐ tham gia hằng năm
	Số kinh phí (triệu đồng)
2.4	Hỗ trợ khó khăn, tuyên dương
	Số lượng VC-NLĐ được hỗ trợ khó khăn hằng năm
	Số kinh phí (triệu đồng)
	Số lượng VC-NLĐ được tuyên dương hằng năm
	Số kinh phí (triệu đồng)
2.5	Tổ chức tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức của VC-NLĐ về an ninh, an toàn, phòng chống rủi ro.
	Số lượng VC-NLĐ tham gia
	Số kinh phí (triệu đồng)
	<i>Tổng số hoạt động</i>
	<i>Tổng số người tham gia</i>
	<i>Tổng kinh phí</i>
III	Các hoạt động liên quan đến kết nối và đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ phục vụ cộng đồng

TT	LOẠI HÌNH HOẠT ĐỘNG
3.1	Bồi dưỡng nghiệp vụ, chuẩn hóa, tập huấn về giáo dục
3.1.1	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm hằng năm
	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm
	Số kinh phí (triệu đồng)
3.1.2	Bồi dưỡng ngoại ngữ cho giáo viên hằng năm
	Số người được bồi dưỡng ngoại ngữ
	Số kinh phí (triệu đồng)
3.1.3	Đào tạo ngắn hạn các lĩnh vực hằng năm
	Số người được đào tạo ngắn hạn các lĩnh vực
	Số kinh phí (triệu đồng)
3.1.4	Bồi dưỡng năng lực số cho địa phương hằng năm
	Số người được bồi dưỡng năng lực số
	Số kinh phí (triệu đồng)
3.1.5	Bồi dưỡng về kinh tế cho địa phương
	Số người được bồi dưỡng về Kinh tế
	Số kinh phí (triệu đồng)
3.1.6	Bồi dưỡng, tư vấn về Luật cho cộng đồng
	Số người được bồi dưỡng về Luật
	Số kinh phí (triệu đồng)
3.1.7	Bồi dưỡng về biến đổi khí hậu
	Số người được bồi dưỡng về biến đổi khí hậu
	Số kinh phí (triệu đồng)
3.2	Tổ chức tư vấn tuyển sinh đại học chính quy, sau đại học và liên kết đào tạo
	Số người được tư vấn tuyển sinh hằng năm
	Số kinh phí (triệu đồng)
3.3	Hoạt động hỗ trợ nghiên cứu, học thuật cho học sinh phổ thông
	Số học sinh phổ thông được hỗ trợ nghiên cứu, học thuật hằng năm
	Số kinh phí (triệu đồng)
3.4	Đào tạo, Bồi dưỡng ngắn hạn học viên quốc tế
	Số học viên quốc tế tham gia học tập hằng năm
	Số kinh phí (triệu đồng)
	<i>Tổng số hoạt động</i>
	<i>Tổng số người</i>
	<i>Tổng kinh phí</i>
IV	Hoạt động liên quan đến khoa học công nghệ, kết nối doanh nghiệp và khởi nghiệp gắn với nhu cầu thực tiễn, phát triển cộng đồng
4.1	Tập huấn công nghệ về Nông nghiệp

TT	LOẠI HÌNH HOẠT ĐỘNG
	Số người được tham gia tập huấn
	Số kinh phí (triệu đồng)
4.2	Tập huấn công nghệ về Thủy sản
	Số người được tham gia tập huấn
	Số kinh phí (triệu đồng)
4.3	Tập huấn công nghệ về Môi trường
	Số người được tham gia tập huấn
	Số kinh phí (triệu đồng)
4.4	Tập huấn công nghệ lĩnh vực Công nghệ
	Số người được tham gia tập huấn
	Số kinh phí (triệu đồng)
4.5	Tập huấn công nghệ lĩnh vực CNTT-TT
	Số người được tham gia tập huấn
	Số kinh phí (triệu đồng)
4.6	Tập huấn lĩnh vực xã hội nhân văn
	Số người được tham gia tập huấn
	Số kinh phí (triệu đồng)
4.7	Tập huấn biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
	Số người được tham gia tập huấn
	Số kinh phí (triệu đồng)
4.8	Tập huấn về phát triển nông thôn
	Số người được tham gia tập huấn
	Số kinh phí (Triệu đồng)
	<i>Số hoạt động tập huấn</i>
	<i>Số người được tham gia tập huấn</i>
	<i>Số kinh phí (triệu đồng)</i>
V	Kết nối phục vụ cộng đồng
5.1	Số MOU/MOA trong nước ký mới hằng năm
5.2	Số MOU/MOA quốc tế ký mới hằng năm
5.3	Diễn đàn SDMD 2045
	Số cuộc tọa đàm, diễn đàn SDMD tổ chức hằng năm
	Số lượt người tham dự tọa đàm SDMD hằng năm
	Số kinh phí (triệu đồng)
VI	Các hoạt động xã hội nhằm phục vụ cộng đồng
6.1	Mùa hè tình nguyện
	Số người học tham gia hằng năm
	Số kinh phí (triệu đồng)

TT	LOẠI HÌNH HOẠT ĐỘNG
6.2	Hiển máu nhân đạo
	Số người học tham gia hằng năm
	Số đơn vị máu
	Số VC-NLĐ tham gia hằng năm
	Số đơn vị máu
6.3	Đền ơn đáp nghĩa
	Số người học tham gia hằng năm
	Số kinh phí (triệu đồng)
6.4	Giao lưu Quân - Dân
	Số lượng người học tham gia
	Số kinh phí (triệu đồng)
6.5	Hỗ trợ người nghèo, thiên tai
	Số đợt quyên góp hỗ trợ người nghèo/ thiên tai hằng năm
	Số kinh phí hỗ trợ hằng năm (triệu đồng)
	Số kinh phí hỗ trợ hằng năm (đồng)
6.6	Tư vấn chính sách địa phương
	Số lượt tư vấn chính sách
	Số kinh phí (triệu đồng)
	<i>Tổng số hoạt động</i>
	<i>Tổng số người tham gia</i>
	<i>Tổng kinh phí</i>
VII	Hoạt động thông tin - truyền thông phục vụ cộng đồng
7.1	Website của ĐHCT
	Số lượng tin bài
	Số lượt truy cập
7.2	Facebook của ĐHCT
	Số lượng tin bài
	Số lượt truy cập
7.3	Số lượng bản in "Báo cáo thường niên" được xuất bản và người truy cập hằng năm (tiếng Việt và tiếng Anh)
	Tổng số tin, bài
	Số lượt truy cập